

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI HẬU
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 251/2018/HNGĐ-ST

Ngày 26-10-2018

V/v ly hôn giữa

anh Q và chị T

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Thung.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Ngọc Chinh;

Ông Đỗ Việt Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Thắm - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

Ngày 26 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hải Hậu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 38/2018/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2018/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Phạm Văn Q, sinh năm 1975. Địa chỉ: Xóm Trần Mạnh, xã HT, huyện HH, tỉnh Nam Định.

- *Bị đơn:* Chị Mai Thị T, sinh năm 1982. Địa chỉ: Xóm 2, xã HT, huyện HH, tỉnh Nam Định.

(Tại phiên tòa vắng mặt anh Q, chị T).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 27/12/2017 và quá trình tham gia tố tụng tại Toà án, nguyên đơn anh Phạm Văn Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Văn Q và chị Mai Thị T đăng ký kết hôn ngày 08/01/2001 tại Ủy ban nhân dân xã Hải Tân, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống ở nhà bố mẹ anh Q một thời gian thì vào miền Nam làm ăn kinh tế. Đến năm 2008 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng

tính tình không hợp, quan điểm sống khác nhau. Chị T bỏ về nhà mẹ đẻ ở xã Hải Tân, huyện Hải Hậu để sinh sống từ năm 2008 đến nay. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 9 năm 2008. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh Q làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh Q được ly hôn với chị T.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Phạm Thành Công, sinh ngày 01/4/2002, hiện đang ở với anh Q và cháu Phạm Thanh Bình, sinh ngày 02/7/2006, hiện đang ở với chị T. Khi ly hôn, anh Q có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu Công, còn cháu Bình để chị T nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

- Về tài sản chung và công nợ: Vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ của ai và không cho ai vay nợ nên khi ly hôn anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, bị đơn chị Mai Thị T có lời khai phù hợp với lời khai của anh Phạm Văn Q về thời gian kết hôn, quá trình chung sống, thời gian sống ly thân. Về nguyên nhân mâu thuẫn, chị T trình bày là do anh Q không lo tu chí làm ăn, đi làm nhưng không mang tiền về gia đình. Nay anh Q làm đơn ly hôn, chị T xác nhận tình cảm không còn nhưng chị T chỉ nhất trí ly hôn khi vợ chồng giải quyết cụ thể, rõ ràng về tài sản.

- Về con chung: Chị T xác nhận vợ chồng có 02 con chung như anh Q đã trình bày là đúng. Khi ly hôn, chị nhất trí với nguyện vọng của anh Q.

- Về tài sản: Sau khi kết hôn, chị T được bố mẹ cho 01 cây vàng 24K (tương đương 10 chỉ vàng 24K), chị T có đưa cho anh Q giữ, sử dụng vào việc mua rẫy. Do đó, khi ly hôn, chị T yêu cầu anh Q trả chị số vàng này.

- Về công nợ chung: Chị T xác nhận vợ chồng không vay nợ của ai và không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn anh Phạm Văn Q có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn chị Mai Thị T được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 thì Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Q, chị T là phù hợp.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ vợ chồng giữa anh Phạm Văn Q và chị Mai Thị T là quan hệ hôn nhân hợp pháp vì được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và được UBND xã Hải Tân, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định đăng ký kết hôn ngày 08/01/2001. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2008 thì mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do tính tình, quan điểm sống không hợp dẫn đến không thể thông cảm và chia sẻ được với nhau. Anh Q và chị T đã sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, trách nhiệm, nghĩa vụ kể

từ tháng 9 năm 2008 cho đến nay. Nay anh Q đề nghị xin được ly hôn với chị T, chị T không nhất trí.

[3] Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Q, chị T là có thật, cuộc sống chung đã không diễn ra trong thời gian dài, vợ chồng đều xác nhận tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của anh Q là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Vợ chồng anh Q, chị T có 02 con chung là cháu Phạm Thành Công, sinh ngày 01/4/2002, hiện đang ở với anh Q và cháu Phạm Thanh Bình, sinh ngày 02/7/2006, hiện đang ở với chị T. Khi ly hôn, anh Q, chị T đều có nguyện vọng anh Q tiếp tục nuôi dưỡng cháu Công, chị T tiếp tục nuôi dưỡng cháu Bình, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Đồng thời, cháu Bình trên 7 tuổi cũng có nguyện vọng xin được ở với chị T. Xét nguyện vọng nuôi dưỡng con chung của các bên và nguyện vọng của con chung thì thấy tiếp tục giao cháu Công cho anh Q nuôi dưỡng, cháu Bình cho chị T nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình, hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau là phù hợp với Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản: Anh Phạm Văn Q không yêu cầu giải quyết về tài sản vì không có tài sản chung. Chị Mai Thị T yêu cầu Tòa án buộc anh Phạm Văn Q phải trả cho chị 10 chỉ vàng 24K, đây là số vàng được bố mẹ chị cho sau khi kết hôn, chị đã đưa anh Q giữ, sử dụng vào việc mua rẫy. Ngày 26 tháng 7 năm 2018, Tòa án ra thông báo nộp tạm ứng án phí chia tài sản để giải quyết yêu cầu về tài sản cho chị Mai Thị T. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo này cho chị T vào ngày 26 tháng 7 năm 2018. Nhưng sau thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, chị T không nộp cho Tòa án biên lai nộp tạm ứng án phí chia tài sản. Đồng thời, Tòa án cũng triệu tập hợp lệ chị T đến Tòa án làm việc để giải quyết về tài sản nhưng chị T không chấp hành. Do đó, căn cứ vào điểm d khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, hội đồng xét xử không xem xét giải quyết yêu cầu về phân chia tài sản của chị Mai Thị T.

[6] Về công nợ: Anh Q, chị T đều xác định không có công nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Phạm Văn Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

PQUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy

ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa anh Phạm Văn Q và chị Mai Thị T.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Phạm Thành Công, sinh ngày 01/4/2002 cho anh Phạm Văn Q, cháu Phạm Thanh Bình, sinh ngày 02/7/2006 cho chị Mai Thị T tiếp tục nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình. Anh Q, chị T không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho nhau mà có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung không trực tiếp nuôi dưỡng, không ai được cản trở quyền thăm nom con chung nhưng không được lạm dụng việc thăm con để gây cản trở hoặc làm ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng con.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Phạm Văn Q phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số AA/2015/0002428 ngày 14 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu; anh Phạm Văn Q đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện + tỉnh;
- Chi cục THADS huyện Hải Hậu;
- UBND xã Hải Tân;
- Đương sự;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Thung

